


# Dell E2222HS

## Cẩm Nang Hướng Dẫn Sử Dụng

Model Màn Hình: E2222HS  
Model Tiêu Chuẩn: E2222HSf



# Lưu Ý, Chú Ý và Cảnh Báo

 **LƯU Ý:** LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.

 **CHÚ Ý:** CHÚ Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.

 **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc tử vong.

**\*Bản quyền © 2021 Dell Inc. hoặc các công ty trực thuộc của Dell. Bảo lưu mọi bản quyền.** Dell, EMC và các thương hiệu khác là thương hiệu của Dell Inc. hoặc các công ty trực thuộc của Dell. Các thương hiệu khác có thể là thương hiệu của các công ty sở hữu riêng của chúng.

2021 - 12

Rev. A01

# Mục lục

<b>Giới thiệu về màn hình của bạn .....</b>	<b>5</b>
Thành phần của gói hàng .....	5
Tính năng sản phẩm .....	6
Nhận biết các tính năng và nút điều khiển.....	7
Cách gắn chấu cắm .....	15
Tính năng cắm là chạy.....	18
Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD.....	18
Hướng dẫn bảo dưỡng .....	18
<b>Lắp đặt màn hình.....</b>	<b>19</b>
Lắp giá đỡ.....	19
Kết nối màn hình của bạn .....	20
Xếp gọn các cáp.....	21
Tháo giá đỡ .....	22
<b>Sử dụng màn hình của bạn .....</b>	<b>24</b>
Bật màn hình .....	24
Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước .....	24
Sử dụng chức năng Khóa OSD .....	25
Sử dụng menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) .....	29
Cài đặt độ phân giải hiển thị cho màn hình của bạn ....	42
Xoay nghiêng .....	44

<b>Khắc phục sự cố.....</b>	<b>45</b>
Tự kiểm tra .....	45
Chẩn đoán tích hợp .....	46
Các sự cố thường gặp .....	47
Sự cố liên quan đến sản phẩm.....	49
<b>Phụ lục.....</b>	<b>50</b>
Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác.....	50
Liên hệ với Dell .....	50
Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm .....	50

# Giới thiệu về màn hình của bạn




## Thành phần của gói hàng

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê trong bảng danh mục. Cần đảm bảo bạn đã nhận được tất cả các phụ kiện này và xem [Liên hệ với Dell](#) nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

**LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được gửi cùng với màn hình của bạn. Một số tính năng có thể không có sẵn ở một số quốc gia.

**LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kỳ Giá Đỡ nào khác, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn lắp đặt tương ứng.

Hình ảnh các phụ kiện	Mô tả các phụ kiện
	Hiển thị
	Giá đỡ
	Chân đế
	Nắp Đậy Vít VESA™
	Cáp điện (khác nhau tùy từng quốc gia)
	Cáp VGA (EMEA và Nhật Bản)

	Cáp HDMI
 	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chăm Nang Hướng Dẫn Khởi Động Nhanh</li> <li>• Thông Tin An toàn, Môi Trường và Quy Định</li> </ul>

## Tính năng sản phẩm

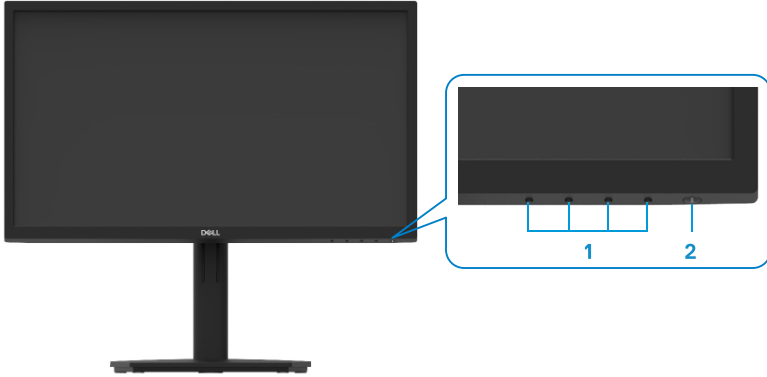
Màn hình phẳng Dell E2222HS có một ma trận hoạt động, bóng bán dẫn màng mỏng (TFT), màn hình tinh thể lỏng (LCD) và đèn nền LED.

Các tính năng của màn hình bao gồm:

- 54,48 cm (21,45 in), đường chéo nối 2 góc màn hình hiển thị (đo theo đường chéo).
- Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng lên đến 178 độ theo chiều ngang và chiều dọc.
- Hệ số tương phản (3000:1).
- Kết nối dạng số với DisplayPort hoặc HDMI.
- Có thể điều chỉnh chiều cao.
- Loa kép tích hợp.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm và Chạy) nếu máy tính của bạn hỗ trợ.
- Có thể điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- ≤ 0,3 W ở Chế Độ Chờ.
- Tối ưu hóa sự thoải mái của mắt với màn hình không bị nhấp nháy.
- Màn hình được tích hợp công nghệ Flicker-Free, tức là không tạo ra các hiện tượng nhấp nháy nhìn được bằng mắt, tạo cảm giác dễ chịu khi xem, mắt sẽ không bị mỏi và căng.
- Các tác động lâu dài tiềm ẩn của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, ví dụ như mỏi mắt hoặc nhức mắt do tác động của công nghệ số. Tính năng ComfortView giúp giảm thiểu mỏi mắt do phát xạ tia sáng xanh.
- Khe khóa an toàn.
- Phần kính không chứa asen và bảng điều khiển không chứa thủy ngân.
- Hạn Chế BFR/PVC (bảng mạch bên trong được làm bằng các tấm mỏng không chứa BFR/PVC).
- Đáp ứng các yêu cầu hiện hành về rò rỉ NFPA 99.
- TCO Certified.
- EPEAT đã được đăng ký nếu áp dụng. Việc đăng ký EPEAT khác nhau theo từng quốc gia. Xem <http://www.epeat.net> để biết trạng thái đăng ký tại từng quốc gia.
- Tuân Thủ Quy Định RoHS.
- Đã Được Chứng Nhận Energy Star®.

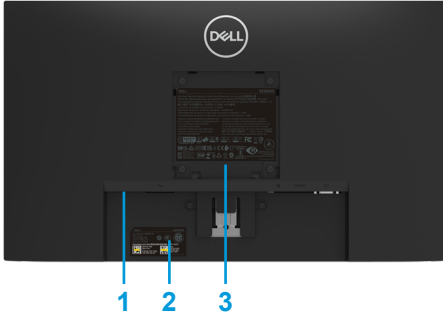
# Nhận biết các tính năng và nút điều khiển

## Mặt trước



Nhãn	M tả	Sử dụng
1	Các nút chức năng	Để vào menu OSD và thay đổi các thiết đặt nếu cần. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước</a> .
2	Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo LED)	Để Bật hoặc Tắt màn hình. Đèn trắng sáng ổn định cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng sáng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế Độ Chờ.

## Mặt sau



Không có giá đỡ màn hình



Có giá đỡ màn hình

Nhãn	M tả	Sử dụng
1	Khe khóa an toàn.	Để cố định màn hình bằng khóa an toàn (tùy chọn mua riêng).
2	Mã vạch, số xê-ri và nhãn thẻ dịch vụ	Xem nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ Dịch Vụ giúp chuyên viên kỹ thuật của Dell nhận biết được các phụ kiện phần cứng có trong máy tính của bạn và tìm thông tin bảo hành.
3	Thông tin quy định	Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định.
4	Kẹp giữ cáp	Để sắp xếp các dây cáp.
5	Vít giá đỡ	Tháo giá đỡ ra khỏi màn hình.

## Mặt bên





## Mặt dưới, không có giá đỡ màn hình



Nhãn	M tả	Sử dụng
1	Ổ điện	Để cắm cáp nguồn màn hình.
2	Cổng DP	Để kết nối với máy tính bằng cáp DP.
3	Cổng HDMI	Để kết nối với máy tính bằng cáp HDMI.
4	Cổng VGA	Để kết nối với máy tính bằng cáp VGA.
5	Loa	Để xuất âm thanh.

## Thông số kỹ thuật màn hình

<b>Mẫu</b>	<b>E2222HS</b>
Loại màn hình	FHD TFT LCD
Loại bảng điều khiển	Căn Chỉnh Dọc (VA)
Vùng quan sát	
Chéo	544,83 mm (21,45in)
Vùng hiệu dụng	
Ngang	478,66 mm (18,84 in)
Dọc	260,28 mm (10,25 in)
Diện tích	1245,86 cm <sup>2</sup> (193,11 in <sup>2</sup> )
Khoảng cách giữa các điểm ảnh	0,249 mm x 0,241 mm
Điểm ảnh / inch (PPI)	103
Góc nhìn	
Ngang	178° (chuẩn)
Dọc	178° (chuẩn)
Độ sáng	250 cd/m <sup>2</sup> (tùy sản phẩm)
Hệ số tương phản	3.000:1 (chuẩn)
Lớp phủ bề mặt	Chống chói với lớp phủ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn LED viền
Thời gian đáp ứng	
Chế độ bình thường	< 10ms
Chế độ nhanh	< 5ms
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	72% (CIE1931) 83% (CIE1976)
Tương thích trình quản lý màn hình Dell	Có
Kết nối	1 x DP 1.2, 1 x HDMI 1.4, 1 x VGA
Chiều rộng bezel (viền màn hình tiếp giáp vùng hiệu dụng)	12,8 mm (Trên) 12,8 mm (Trái/Phải) 16,9 mm (Dưới)
An toàn	Khe khóa an toàn để bảo vệ cáp (tùy chọn mua ngoài)
Góc nghiêng	-5° đến 21°
Giá đỡ có thể điều chỉnh chiều cao	100+/-5 mm
Loa Tích Hợp (công suất âm thanh 2 x 1 W)	Loa 2x1W

## Thông số kỹ thuật độ phân giải

<b>Mẫu</b>	<b>E2222HS</b>
Dải quét ngang	30 kHz - 83 kHz (tự đng)
Dải quét dọc	50 Hz - 75 Hz (tự đng)
Độ phân giải cài sẵn tối đa	1920 x 1080 @ 60 Hz

## Các chế độ hiển thị cài sẵn

<b>Chế độ hiển thị</b>	<b>Ngang tần số (kHz)</b>	<b>Dọc tần số (Hz)</b>	<b>Pixel Clock (Đồng hồ điểm ảnh) (MHz)</b>	<b>Cực đồng bộ (Ngang/Dọc)</b>
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	59,9	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1600 x 900	60,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1920 x1080	67,5	60,0	148,5	+/+

## Các thông số kỹ thuật điện

Mẫu	E222HS
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none"><li>• RGB tương tự: 0,7 vôn <math>\pm</math> 5 %, trở kháng đầu vào 75 <math>\Omega</math></li><li>• HDMI 1.4, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 <math>\Omega</math> trên mỗi cặp khác biệt</li><li>• DP 1.2, 600 mV cho từng dòng khác biệt, trở kháng đầu vào 100 <math>\Omega</math> trên mỗi cặp khác biệt</li></ul>
Tín hiệu đầu vào đồng bộ	Đồng bộ dọc và ngang riêng biệt, mức TTL vô cực, SOG (ĐỒNG BỘ tổng hợp màu lục)
Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC	100 VAC - 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz + 3 Hz / 0,7 A
Dòng điện khởi động	30 A (đầu vào 120 V AC) 60 A (đầu vào 240 V AC)
Mức Tiêu Thụ Điện Năng	0,3 W (Chế Độ Tắt) <sup>1</sup> 0,3 W (Chế Độ Chờ) <sup>1</sup> 12,13 W (Chế Độ Bật) <sup>1</sup> 21 W (Max) <sup>2</sup> 12,83 W (P <sub>on</sub> ) <sup>3</sup> 40,02 kWh (TEC) <sup>3</sup>

<sup>1</sup>Theo như được chỉ định tại EU 2019/2021 và EU 2019/2013.

<sup>2</sup> Cài đặt độ tương phản và độ sáng cực đại.

<sup>3</sup> P<sub>on</sub> : Mức tiêu thụ điện năng khi ở Chế Độ Bật như nêu tại Energy Star 8.0.

TEC: Tổng mức tiêu thụ điện năng kWh như nêu tại Energy Star 8.0.

Tài liệu này chỉ dùng để thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động tại phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể hoạt động khác đi, tùy vào phần mềm, phụ kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này.

Do đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra

các quyết định về độ dung sai điện hoặc các thông số khác. Sự bảo đảm về độ chính xác hoặc hoàn chỉnh của sản phẩm cũng không được nêu rõ hay ngụ ý bởi chúng tôi.

 **LƯU Ý: Màn hình này được chứng nhận ENERGY STAR.**



Sản phẩm này đạt tiêu chuẩn ENERGY STAR khi hoạt động ở các cài đặt mặc định, có thể phục hồi các cài đặt đó bằng chức năng "Cài Đặt Mặc Định" trên menu OSD. Thay đổi các cài đặt mặc định hoặc kích hoạt các tính năng khác có thể làm tăng lượng tiêu thụ điện năng và làm vượt mức giới hạn ENERGY STAR.

## Các đặc điểm vật lý

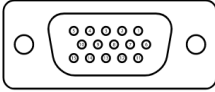
<b>Mẫu</b>	<b>E2222HS</b>
Loại cáp tín hiệu: Analog Số	D-Sub (VGA), 15 chấu (chỉ kèm theo cáp tại khu vực EMEA và JPN); DP, 20 chấu HDMI, 19 chấu
<b>LƯU Ý:</b> Các màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với các cáp video đi kèm. Do Dell không kiểm soát các nhà cung cấp cáp trên thị trường, chất liệu, dây nối và công nghệ dùng để sản xuất các cáp này, nên Dell không bảo đảm về chất lượng của các video được truyền tải bởi các cáp không đi kèm màn hình Dell.	
<b>Kích thước (có giá đỡ)</b>	
Chiều cao (đã ko di)	454,17 mm (17,88 in)
Chiều cao (đã rt ngắn)	354,17 mm (13,94 in)
Chiều rộng	504,26 mm (19,85 in)
Độ dày	187,28 mm (7,37 in)
<b>Kích thước (không có giá đỡ):</b>	
Chiều cao	295,38 mm (11,63 in)
Chiều rộng	504,26 mm (19,85 in)
Độ dày	49,64 mm (1,95 in)
<b>Kích thước giá đỡ:</b>	
Chiều cao (đã ko di)	244,02 mm (9,61 in)
Chiều cao (đã rt ngắn)	144,02 mm (5,67 in)
Chiều rộng	245,39 mm (9,66 in)
Độ dày	187,28 mm (7,37 in)
<b>Trọng lượng:</b>	
Trọng lượng có thùng đựng	5,11 kg (11,27 lb)
Có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	3,89 kg (8,58 lb)
Không kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp	2,34 kg (5,16 lb)
Trọng lượng của giá đỡ	1,03 kg (2,27 lb)

## Các đặc điểm môi trường

Mẫu	E2222HS
Nhiệt độ: Hoạt động	0°C - 40°C (32°F - 104°F)
Không hoạt động: Bảo quản / Vận chuyển	-20°C - 60°C (-4°F - 140°F)
Độ ẩm: Hoạt động	10% đến 80% (khng ngưng tụ)
Không hoạt động: Bảo quản / Vận chuyển	5% đến 90% (khng ngưng tụ)
Độ cao:	
Hoạt động (tối đa)	5.000 m (16.400 ft)
Không hoạt động (tối đa)	12.192 m (40.000 ft)
Công suất tản nhiệt	71,61 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 41,36 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (chuẩn)

## Cách gán chấu cắm

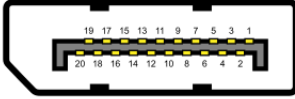
Bộ kết nối D-Sub 15 chấu



Mã Chấu Cắm	Phân Bỏ Tín Hiệu
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	Nối đất
5	Tự kiểm tra
6	Nối đất-Đỏ
7	Nối đất-Lục
8	Nối đất-Lam
9	DDC (kênh dữ liệu màn hình) +5 V
10	Nối đất-đồng bộ
11	Nối đất
12	Dữ liệu DDC
13	Đ.bộ ngang
14	Đ.bộ dọc
15	Đồng hồ DDC

# Cách gán chấu cắm

Bộ kết nối DP 20 chấu

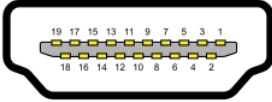


Mã Chấu Cắm	Phân Bò Tín Hiệu
1	ML_LANE3_N
2	Nối đất
3	ML_LANE3_P
4	ML_LANE2_N
5	Nối đất
6	ML_LANE2_P
7	ML_LANE1_N
8	Nối đất
9	ML_LANE1_P
10	ML_LANE0_N
11	Nối đất
12	ML_LANE0_P
13	Nối đất
14	Nối đất
15	AUX_CH_P
16	Nối đất
17	AUX_CH_N
18	HPD
19	QUAY LẠI
20	DP_PWR



# Cách gán chấu cắm

Bộ kết nối HDMI 19 chấu



Mã Chấu Cắm	Phân Bổ Tín Hiệu
1	DỮ LIỆU TMDS 2+
2	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2
3	DỮ LIỆU TMDS 2-
4	DỮ LIỆU TMDS 1+
5	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1
6	DỮ LIỆU TMDS 1-
7	DỮ LIỆU TMDS 0+
8	MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0
9	DỮ LIỆU TMDS 0-
10	ĐỒNG HỒ TMDS+
11	MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS
12	ĐỒNG HỒ TMDS-
13	CEC
14	Đã đăng ký (N.C. trên thiết bị)
15	ĐỒNG HỒ DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC Ground
18	NGUỒN ĐIỆN +5V
19	PHÁT HIỆN Ổ CẮM NÓNG

## Tính năng cắm là chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Plug and Play (Cắm Là Chạy). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) thông qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để máy tính có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, vui lòng xem [Sử dụng màn hình của bạn](#).

## Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD không hiếm gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn khó nhận biết vì không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vui lòng xem trang Hỗ trợ của Dell [www.dell.com/pixelguidelines](http://www.dell.com/pixelguidelines).

## Hướng dẫn bảo dưỡng

### Vệ sinh màn hình của bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

**⚠ CHÚ Ý:** Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn trước khi vệ sinh màn hình](#).

Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cắm nắn màn hình của bạn:

- Để lau màn hình, thấm ẩm khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cắm nắn màn hình cẩn thận vì màn hình màu tối có thể bị trầy xước
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.

# Lắp đặt màn hình

## Lắp giá đỡ

**LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

**LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau đây cho giá đỡ được gửi cùng với màn hình của bạn.

### Để lắp giá đỡ màn hình:

#### 1. Lắp ráp giá đỡ vào đế giữ.

- Đặt đế giữ màn hình lên mặt bàn ổn định.
- Trượt thân giá đỡ màn hình xuống theo đúng hướng vào chân đế cho đến khi kêu tách vào đúng vị trí.



#### 2. Tháo Nắp đậy VESA.



#### 3. Gắn phần giá đỡ vào màn hình.

- Đặt màn hình trên khăn mềm hoặc đệm lót gần mép bàn.
- Canh phần giá đỡ thẳng với rãnh màn hình.
- Lắp khung vào màn hình.
- Vặn chặt vít theo chiều kim đồng hồ cho đến khi chặt hết mức.



## Kết nối màn hình của bạn

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo **Hướng dẫn an toàn**.

**📌 LƯU Ý:** Không kết nối cùng lúc tất cả các cáp với máy tính. Nên luôn cáp qua các khe dẫn cáp trước khi kết nối với màn hình.

**📌 LƯU Ý:** Các màn hình Dell được thiết kế để hoạt động tối ưu với các cáp đi kèm. Dell không bảo đảm chất lượng và hiệu suất video nếu sử dụng các cáp không phải của Dell.

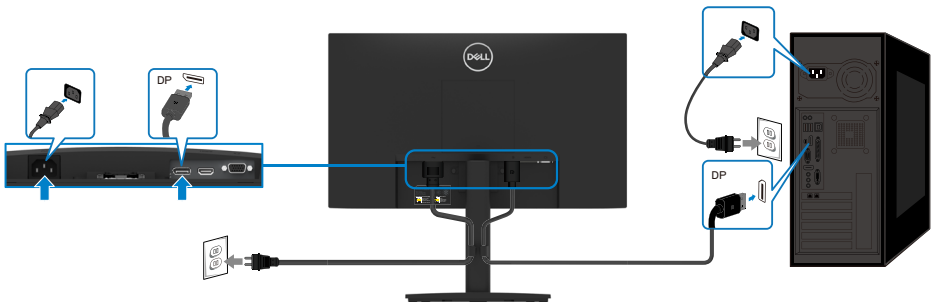
### Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và rút cáp nguồn.
2. Cắm cáp VGA, hoặc DP hoặc HDMI từ màn hình vào máy tính.

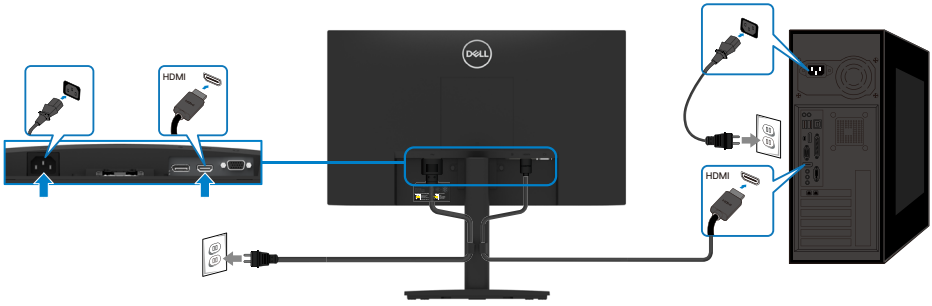
### Kết nối cáp VGA



### Kết nối cáp DP

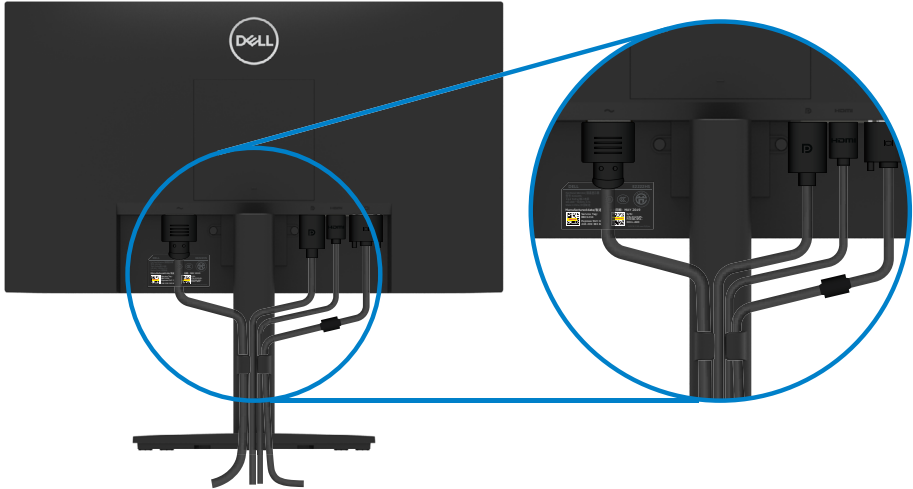


## Kết nối cáp HDMI



## Xếp gọn các cáp

Dùng kẹp dẫn cáp để sắp xếp các dây cáp nối với màn hình.

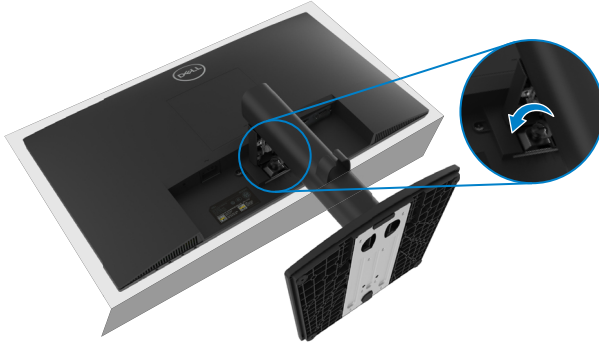


## Tháo giá đỡ

- ✍ **LƯU Ý:** Để tránh màn hình bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, phải đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.
- ✍ **LƯU Ý:** Có thể áp dụng quy trình sau đây cho giá đỡ được gửi cùng với màn hình của bạn.

### Để tháo giá đỡ:

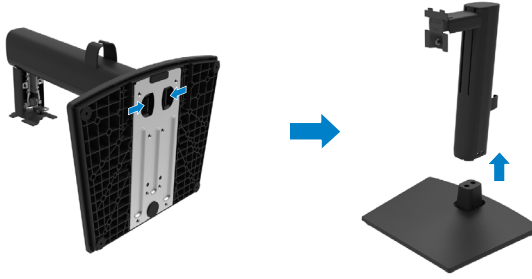
1. a. Đặt màn hình lên khăn mềm dọc theo bàn.  
b. Tháo hết vít trên khung nghiêng.



2. Trượt giá đỡ ra khỏi màn hình.



3. Ấn chốt tháo nhanh ở mặt dưới chân đế để tháo chân đế ra khỏi giá đỡ.



## Treo Tường (Tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo các hướng dẫn kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trên bàn phẳng ổn định.
2. Tháo giá đỡ.
3. Dùng tua vít tháo bốn vít siết chặt nắp nhựa.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình LCD.
5. Gắn màn hình LCD lên tường bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo bộ lắp ráp để giữ.

**LƯU Ý:** Chỉ sử dụng kèm theo khung treo tường theo chỉ định UL hoặc CSA hoặc GS trong đó trọng lượng/tải trọng tối đa là 9,36 kg (20,64 lb).

# Sử dụng màn hình của bạn

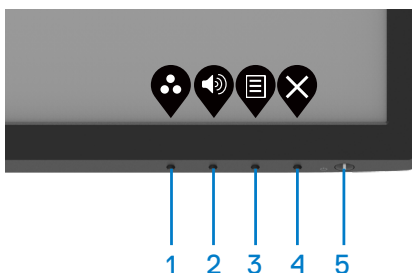
## Bật màn hình

Nhấn nút  để bật nguồn màn hình.








## Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở phía dưới màn hình để điều chỉnh đặc điểm của hình ảnh đang hiển thị.



Bảng sau đây mô tả các nút điều khiển:

Các nút điều khiển	M tả
1  Chế độ có sẵn	Dùng nút này để chọn từ danh sách các chế độ cài sẵn.
2  Âm lượng	Dùng nút Âm lượng để truy cập menu điều chỉnh "Âm lượng".
3  Menu	Để mở menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD), hoặc để mở danh sách các hạng mục / tùy chọn của mục menu. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem <a href="#">Mở menu OSD</a> .
4  Thoát	Để thoát hoặc quay về menu chính của OSD.
5  Nút nguồn (có đèn báo trạng thái nguồn)	Để Bật hoặc Tắt màn hình. Đèn trắng sáng ổn định cho biết màn hình đang bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng sáng nhấp nháy cho biết màn hình đang ở Chế Độ Chờ.

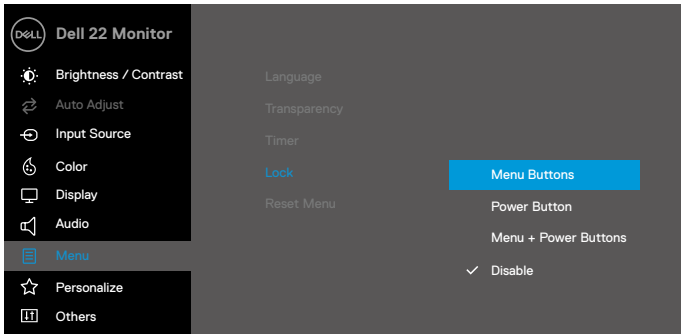


## Sử dụng chức năng Khóa OSD

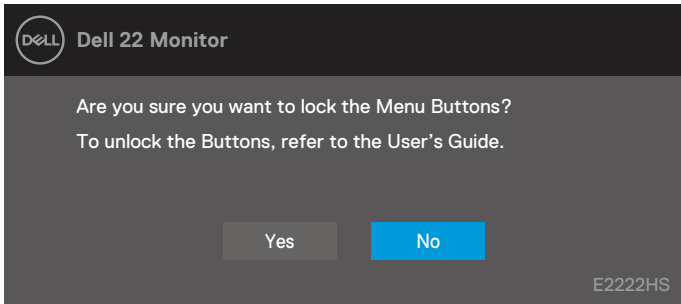
Bạn có thể khóa các nút điều khiển phía trước để tránh truy cập vào menu OSD và/hoặc nút nguồn.


### Chọn menu Khóa để khóa (các) nút.

1. Chọn một trong các tùy chọn sau.

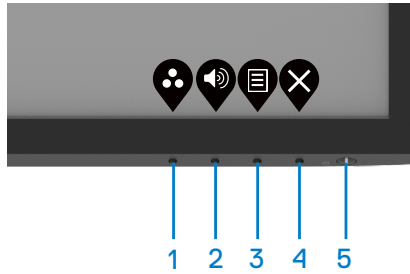


2. Thông báo sau đây sẽ hiện ra.

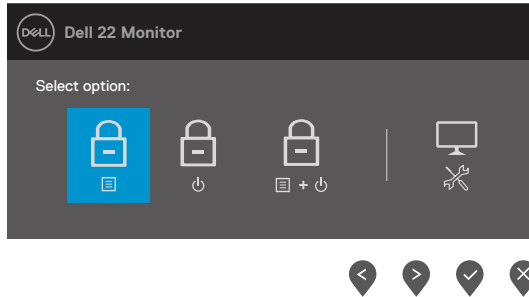


3. Chọn Có để khóa các nút. Sau khi khóa, ấn nút bất kỳ sẽ hiển thị biểu tượng khóa .





## Dùng nút điều khiển ở mặt trước để khóa (các) nút.



1. Ấn và giữ Nút 4 trong vòng bốn giây, sẽ có một menu hiện ra trên màn hình.

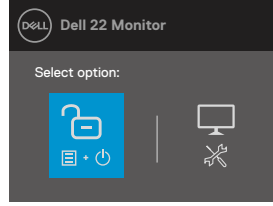
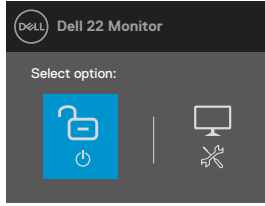
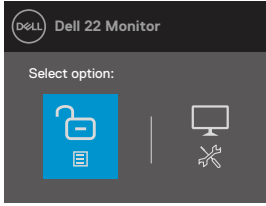






2. Chọn một trong các tùy chọn sau:

	Tùy chọn	M tả
1	 Khóa Các Nút Menu	Dùng tùy chọn này để khóa chức năng menu OSD.
2	 Khóa Nút Nguồn	Dùng tùy chọn này để khóa nút nguồn.
3	 Các Nút Menu + Nguồn Lock (Khóa)	Dùng tùy chọn này để khóa menu OSD và nút nguồn.
4	 Chẩn Đoán Tích Hợp	Sử dụng tùy chọn này để bật chế độ chẩn đoán tích hợp, xem <a href="#">Chẩn Đoán Tích Hợp</a> .

## Để mở khóa (các) nút.

Ấn và giữ **Nút 4** trong vòng bốn giây cho đến khi có một menu hiện ra trên màn hình. Bảng sau đây mô tả các tùy chọn để mở khóa các nút điều khiển phía trước.







	Tùy chọn	M tả
1	 Mở khóa Các Nút Menu	Dùng tùy chọn này để mở khóa chức năng menu OSD.
2	 Mở khóa Nút Nguồn	Dùng tùy chọn này để mở khóa nút nguồn.
3	 Các Nút Menu + Nguồn mở khóa	Dùng tùy chọn này để mở khóa menu OSD và nút nguồn.
4	 Chẩn Đoán Tích Hợp	Sử dụng tùy chọn này để bật chế độ chẩn đoán tích hợp, xem <a href="#">Chẩn Đoán Tích Hợp</a> .

## Các nút điều khiển OSD

Sử dụng các nút điều khiển ở phía dưới màn hình để điều chỉnh các thiết đặt hình ảnh.




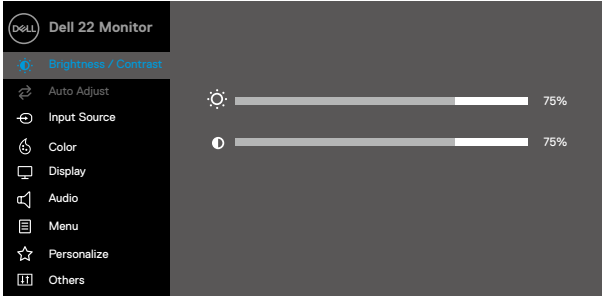
Các nút điều khiển	M tả
1  Lên	Sử dụng nút mũi tên hướng Lên để tăng các giá trị hoặc di chuyển lên trong menu.
2  Xuống	Sử dụng nút Xuống để giảm các giá trị hoặc di chuyển xuống trong menu.
3  OK	Sử dụng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn trong menu.
4  Trở về	Sử dụng nút Quay lại để quay lại menu trước đó.










# Sử dụng menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)












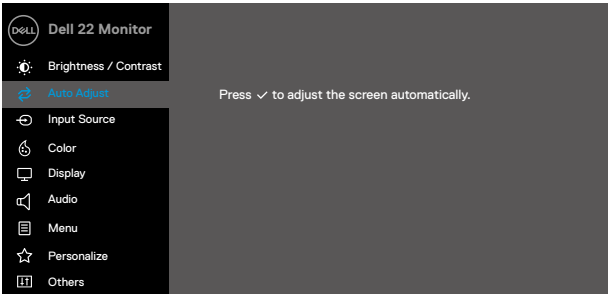




## Mở menu OSD


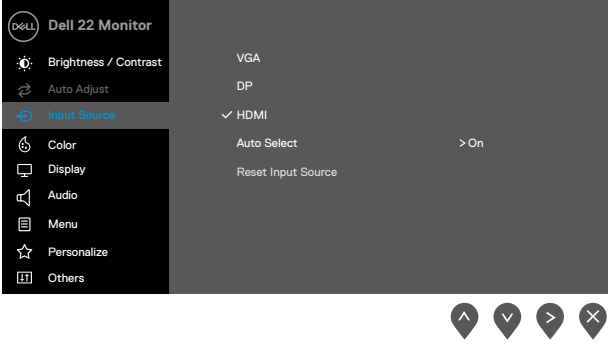



**LƯU Ý:** Mọi thay đổi mà bạn thực hiện sẽ tự động được lưu khi chuyển sang menu khác, thoát menu OSD, hoặc chờ menu OSD tự động tắt.


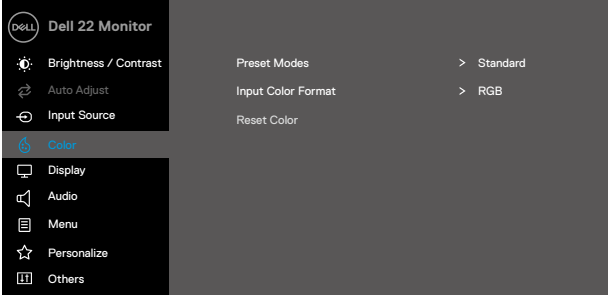

1. Nhấn nút  để mở menu chính của OSD.





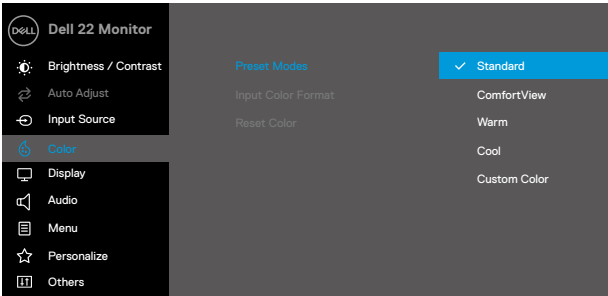




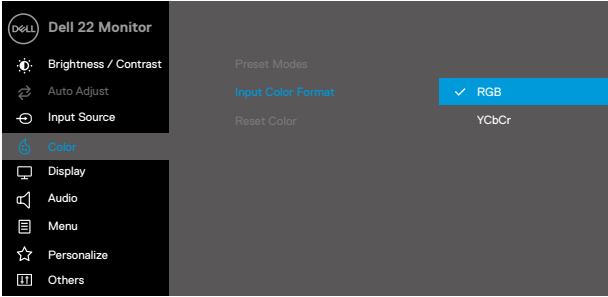




2. Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn thiết đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm.
3. Nhấn nút  để kích hoạt tùy chọn được bôi đậm.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn nút  và sau đó sử dụng các nút  và  theo các chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn nút  để quay lại menu trước đó.


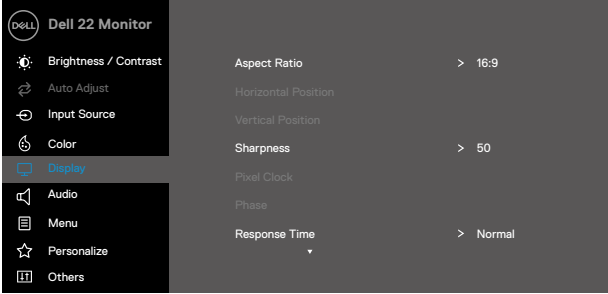








Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản)</b>	<p>Dùng tùy chọn này để điều chỉnh thiết đặt về độ sáng và độ tương phản.</p>  <p style="text-align: right;">     </p>
	<b>Contrast (Độ sáng)</b>	<p>Độ sáng giúp chỉnh độ sáng của đèn nền.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0; tối đa 100).</p>
	<b>Contrast (Độ tương phản)</b>	<p>Chỉnh độ sáng trước, sau đó chỉnh độ tương phản chỉ khi cần phải chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0; tối đa 100).</p> <p>Chức năng độ tương phản cho phép chỉnh các mức độ khác nhau giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p>
	<b>Auto Adjust (Chỉnh tự động)</b>	<p>Dùng tùy chọn này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.</p>  <p style="text-align: right;">     </p> <p>Hộp thoại sau đây sẽ hiển thị trên nền màu đen khi màn hình tự chỉnh theo gõ vào hiện hành:</p> <div style="background-color: #333; color: white; padding: 10px; text-align: center; margin: 10px auto; width: fit-content;">       Auto Adjustment in Progress...     </div>


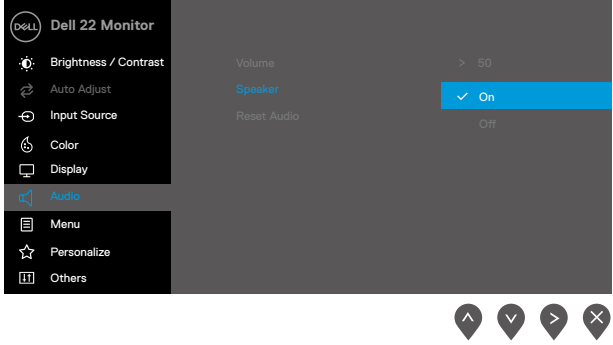

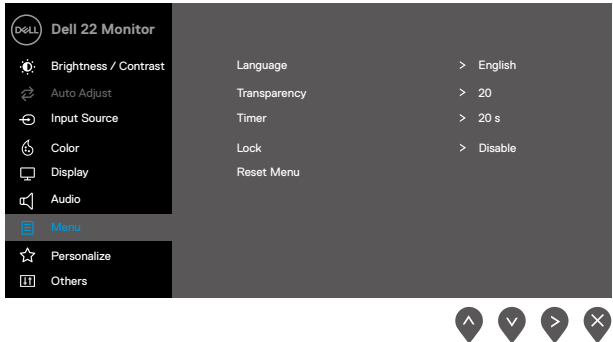


Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
		<p>Chức năng Chỉnh tự động cho phép màn hình tự chỉnh theo tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Tự chỉnh, bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Đồng hồ điểm ảnh (Thô) và Pha (Mịn) trong Hiển thị.</p> <p><b>LƯU Ý: Chỉnh tự động không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.</b></p> <p><b>Tùy chọn này chỉ khả dụng khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) analog.</b></p>
	<b>Input Source (Nguồn Vào)</b>	<p>Dùng menu Nguồn Vào để chuyển đổi giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.</p> 
	<b>VGA</b>	Nhấn  để chọn nguồn vào VGA khi đang sử dụng bộ kết nối VGA.
	<b>DP</b>	Nhấn  để chọn nguồn vào DP khi đang sử dụng bộ kết nối DP.
	<b>HDMI</b>	Nhấn  để chọn nguồn vào HDMI khi đang sử dụng bộ kết nối HDMI.
	<b>Auto Select (Chọn tự động)</b>	Chọn Chọn tự động để dò tìm các tín hiệu đầu vào khả dụng.
	<b>Reset Input Source (Cài lại nguồn đầu vào)</b>	Chọn tùy chọn này để phục hồi nguồn đầu vào mặc định.



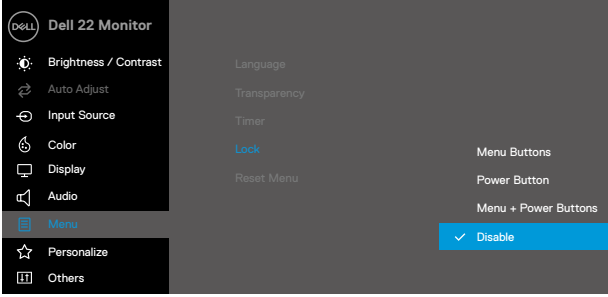





Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>Color (Màu sắc)</b>	<p>Dùng menu màu sắc để chỉnh chế độ cài đặt màu sắc.</p>  <p style="text-align: right;">  </p>
	<b>Preset Modes (Chế độ có sẵn)</b>	<p>Khi chọn Chế Độ Có Sẵn, bạn có thể chọn <b>Tiêu chuẩn, Dịu, Ấm, Lạnh, Tùy Biến Màu</b> từ danh sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Tiêu chuẩn:</b> Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.</li> <li>• <b>Dịu:</b> Giảm ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để mắt của bạn được thoải mái hơn khi nhìn.</li> </ul> <p><b>LƯU Ý:</b> Để giảm nguy cơ căng mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, chúng tôi đề nghị bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt màn hình cách tầm mắt của bạn khoảng 20 - 28 in (50 ~ 70cm).</li> <li>- Thường xuyên chớp mắt để làm ẩm hoặc bôi trơn mắt của bạn.</li> <li>- Nghỉ giải lao thường xuyên khoảng 20 phút sau mỗi hai tiếng.</li> <li>- Không nhìn vào màn hình mà nhìn tập trung vào một vật thể cách 20 foot ít nhất 20 giây trong giờ giải lao.</li> <li>- Thực hiện duỗi thẳng tay chân để làm giảm căng thẳng ở cổ/tay/lưng/vai trong giờ giải lao.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Ấm:</b> Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nóng hơn với sắc đỏ/vàng.</li> <li>• <b>Lạnh:</b> Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị lạnh hơn với sắc xanh lam.</li> <li>• <b>Màu Tùy Chỉnh:</b> Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.</li> </ul>

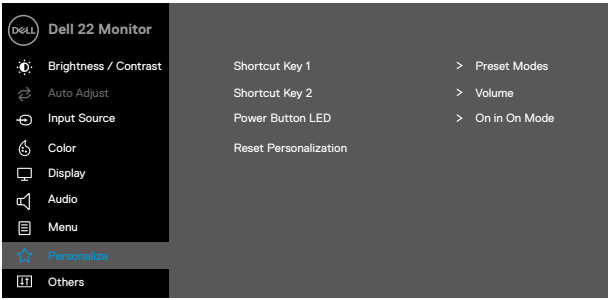



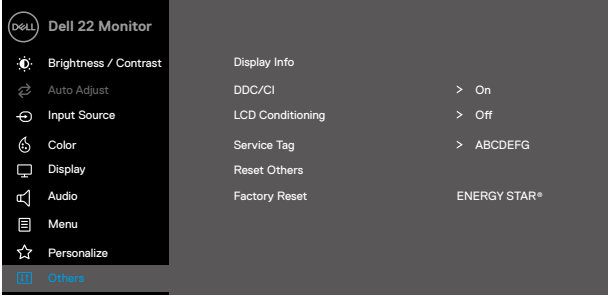

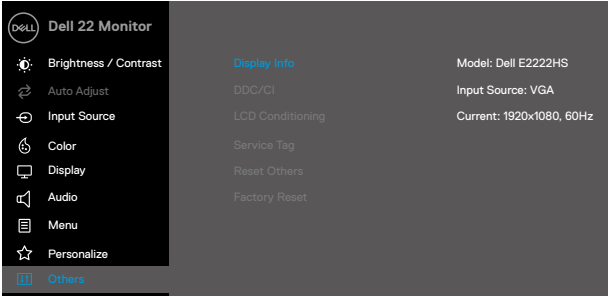

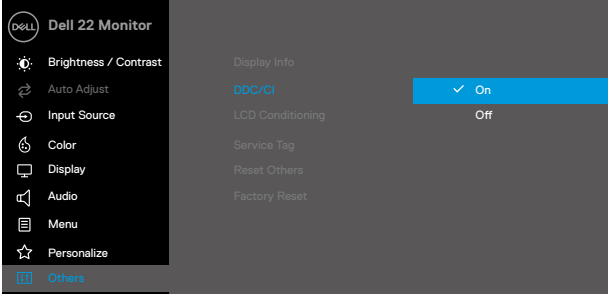

Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
		<p>Nhấn nút  và  để chọn ba giá trị màu (R, G, B) và tạo chế độ màu có sẵn tùy theo ý của bạn.</p>  <p style="text-align: right;">   </p>
	<p><b>Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)</b></p>	<p>Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>RGB</b>: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát có hỗ trợ ngõ ra RGB.</li> <li>• <b>YCbCr/YPbPr*</b>: Chọn tùy chọn này nếu trình phát của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YCbCr/YPbPr.</li> </ul>  <p style="text-align: right;">   </p> <p>*Khi ngõ vào VGA được chọn.</p>
<p><b>Cài lại màu</b></p>		<p>Thiết lập lại các cài đặt màu sắc của màn hình về cài đặt gốc.</p>

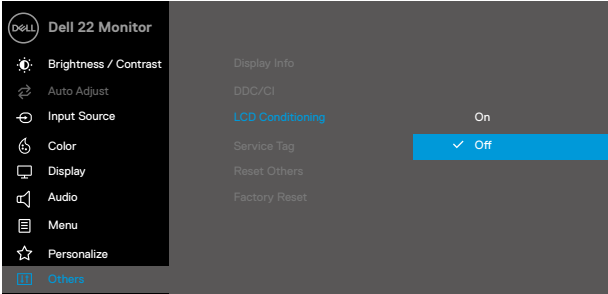
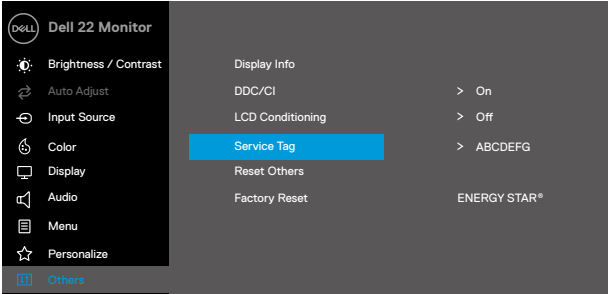
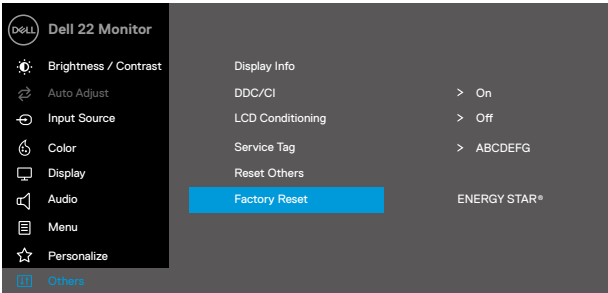
Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>Display (Hiện thị)</b>	<p>Sử dụng màn hình hiển thị để chỉnh hình ảnh.</p> 
	<b>Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)</b>	Chỉnh tỷ lệ hình ảnh thành 16:9, 4:3 hoặc 5:4.
	<b>Horizontal Position (VGA input only) (Ngang Vị trí (chỉ áp dụng cho ngõ vào VGA))</b>	Dùng các nút  hoặc  để di chuyển hình ảnh sang trái và phải. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
	<b>Vertical Position (VGA input only) (Dọc Vị trí (chỉ áp dụng cho ngõ vào VGA))</b>	Dùng các nút  hoặc  để di chuyển hình ảnh lên và xuống. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
	<b>Sharpness (Độ sắc nét)</b>	Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Sử dụng  hoặc  để chỉnh độ sắc nét từ 0 đến 100.
	<b>Pixel Clock (VGA input only) (Đồng hồ điểm ảnh (chỉ áp dụng cho ngõ vào VGA))</b>	Tính năng Khóa Điểm Ảnh giúp bạn điều chỉnh chất lượng hình ảnh trên màn hình tùy theo ý thích. Dùng các nút  hoặc  để chỉnh chất lượng hình ảnh tốt nhất.
	<b>Phase (VGA input only) (Pha (chỉ áp dụng cho ngõ vào VGA))</b>	Nếu chưa đạt được kết quả mong muốn qua việc điều chỉnh Pha, hãy sử dụng điều chỉnh Đồng hồ điểm ảnh (thô) và sau đó sử dụng lại Pha (mịn).
	<b>Response Time (Thời gian đáp ứng)</b>	Cho phép bạn lựa chọn giữa Bình thường (10 ms), Nhanh (5 ms).
	<b>Reset Display (Cài lại hiển thị)</b>	Chọn tùy chọn này để phục hồi các thiết đặt chế độ hiển thị mặc định.

Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>Audio (Âm thanh)</b>	
	<b>Volume (Âm lượng)</b>	Sử dụng các nút để chỉnh âm lượng. Tối thiểu là '0' (-). Tối đa là '100' (+).
	<b>Speaker (Loa)</b>	Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng loa.
	<b>Reset Audio (Cài lại âm thanh)</b>	Chọn tùy chọn này để phục hồi các thiết đặt âm thanh mặc định.
	<b>Menu</b>	Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...  
	<b>Language (Ngôn ngữ)</b>	Mục các tùy chọn ngôn ngữ giúp cài đặt hiển thị OSD bằng một trong tám ngôn ngữ. Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản Thể hoặc Nhật.
	<b>Transparency (Độ trong suốt)</b>	Dùng tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách ấn các nút  hoặc  từ 0 đến 100.

Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>Timer (Hẹn giờ)</b>	<p>Thời gian chờ OSD: cài thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.</p> <p>Dùng  hoặc  để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.</p>
	<b>Lock (Khóa)</b>	<p>Khi khóa các nút điều khiển trên màn hình, bạn có thể ngăn không cho người khác có thao tác tùy tiện. Cũng là giải pháp ngăn chặn các kích hoạt vô tình khi cài đặt ở chế độ đa màn hình.</p>  <p>   </p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Các Nút Menu:</b> Tất cả các nút Menu/chức năng (trừ nút Nguồn) đều được khóa và không thể thao tác bởi người dùng.</li> <li>• <b>Nút Nguồn:</b> Chỉ nút Nguồn được khóa và không thể thao tác bởi người dùng.</li> <li>• <b>Các Nút Menu + Nguồn:</b> Cả các nút Menu/chức năng + Nguồn đều được khóa và không thể thao tác bởi người dùng.</li> </ul> <p>Cài đặt mặc định là <b>Tắt</b>.</p> <p><b>LƯU Ý:</b> Để mở khóa (các) nút, nhấn và giữ  nút trên màn hình trong 4 giây.</p>
	<b>Reset Menu (Cài lại menu)</b>	<p>Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt menu mặc định.</p>

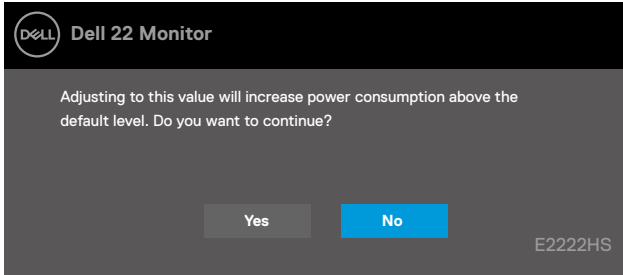
Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
☆	<b>Personalize (Tùy biến cá nhân)</b>	<p>Chọn tùy chọn này cho phép bạn cài đặt hai phím tắt và chức năng chỉ báo LED nguồn.</p> 
	<b>Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)</b>	Giúp bạn chọn một trong các mục sau đây: Chế Độ Cài Sẵn, Độ Sáng/Độ Tương Phản, Chính Tự Động, Nguồn Vào, Tỷ Lệ Khung Hình, Âm Lượng để cài làm phím tắt 1.
	<b>Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)</b>	Giúp bạn chọn một trong các mục sau đây: Chế Độ Cài Sẵn, Độ Sáng/Độ Tương Phản, Chính Tự Động, Nguồn Vào, Tỷ Lệ Khung Hình, Âm Lượng để cài làm phím tắt 2.
	<b>Power Button (Nút Nguồn) Đèn LED</b>	Cho phép bạn cài đặt đèn LED Bật hoặc Tắt ở Chế Độ Bật để tiết kiệm năng lượng.
	<b>Reset Personalization (Thiết lập lại) (Tùy biến cá nhân)</b>	Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.

Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>Others (Khác)</b>	 <p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Brightness / Contrast</li> <li>Auto Adjust</li> <li>Input Source</li> <li>Color</li> <li>Display</li> <li>Audio</li> <li>Menu</li> <li>Personalize</li> <li><b>Others</b></li> </ul> </p> <p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Display Info</li> <li>DDC/CI &gt; On</li> <li>LCD Conditioning &gt; Off</li> <li>Service Tag &gt; ABCDEFG</li> <li>Reset Others</li> <li>Factory Reset</li> <li>ENERGY STAR®</li> </ul> </p> <p>  </p>
	<b>Display Info (Hiện thị thng tin)</b>	<p>Nhấn để hiển thị thông tin về chế độ hiển thị.</p>  <p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Brightness / Contrast</li> <li>Auto Adjust</li> <li>Input Source</li> <li>Color</li> <li>Display</li> <li>Audio</li> <li>Menu</li> <li>Personalize</li> <li>Others</li> </ul> </p> <p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>Display Info</b> Model: Dell E2222HS</li> <li>DDC/CI Input Source: VGA</li> <li>LCD Conditioning Current: 1920x1080, 60Hz</li> <li>Service Tag</li> <li>Reset Others</li> <li>Factory Reset</li> </ul> </p> <p>  </p>
	<b>DDC/CI</b>	<p>DDC/CI (Kênh Dữ Liệu Chế Độ Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn điều chỉnh các cài đặt màn hình bằng phần mềm trên máy tính. Chọn Tắt để tắt tính năng này. Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.</p>  <p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Brightness / Contrast</li> <li>Auto Adjust</li> <li>Input Source</li> <li>Color</li> <li>Display</li> <li>Audio</li> <li>Menu</li> <li>Personalize</li> <li>Others</li> </ul> </p> <p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Display Info</li> <li><b>DDC/CI</b> <input checked="" type="checkbox"/> On</li> <li>LCD Conditioning Off</li> <li>Service Tag</li> <li>Reset Others</li> <li>Factory Reset</li> </ul> </p> <p>  </p>

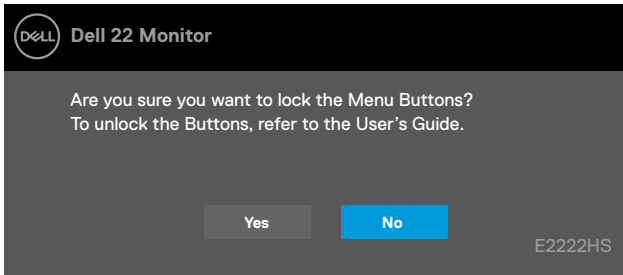
Biểu tượng	Menu và các menu phụ	M tả
	<b>LCD Conditioning (Sửa Lỗi Màn Hình LCD)</b>	<p>Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, có thể mất một lúc để chương trình khởi động. Để bật chế độ <b>Sửa Lỗi Màn Hình LCD</b>, chọn <b>Bật</b>.</p>  <p>The screenshot shows the 'Dell 22 Monitor' OSD menu. The 'LCD Conditioning' option is highlighted in blue and is currently set to 'Off'. The left sidebar lists various menu items: Brightness / Contrast, Auto Adjust, Input Source, Color, Display, Audio, Menu, Personalize, and Others. The right side of the screen shows the settings for the selected option, with 'Off' selected over 'On'.</p>
	<b>Service Tag (Nhãn Thẻ Dịch Vụ)</b>	<p>Hiển thị mã số Nhãn Thẻ Dịch Vụ của màn hình.</p>  <p>The screenshot shows the 'Dell 22 Monitor' OSD menu. The 'Service Tag' option is highlighted in blue. The right side of the screen shows the settings for the selected option, with 'ABCDEF' displayed. The left sidebar and other menu items are the same as in the previous screenshot.</p>
	<b>Reset Others (Tái thiết các mục khác)</b>	<p>Thiết lập lại các cài đặt có trong menu cài đặt Khác về giá trị gốc.</p>
	<b>Factory Reset (Cài Về Mặc Định)</b>	<p>Phục hồi tất cả các giá trị cài trước về mặc định. Đây cũng là các cài đặt cho quá trình thử nghiệm ENERGY STAR®.</p>  <p>The screenshot shows the 'Dell 22 Monitor' OSD menu. The 'Factory Reset' option is highlighted in blue. The right side of the screen shows the settings for the selected option, with 'ENERGY STAR®' displayed. The left sidebar and other menu items are the same as in the previous screenshots.</p>

## Thông tin cảnh báo OSD

Hộp thoại Cảnh Báo Nguồn dưới đây sẽ áp dụng cho các chức năng Brightness (Độ Sáng) ở lần đầu tiên khi bạn điều chỉnh mức Độ Sáng vượt mức mặc định.

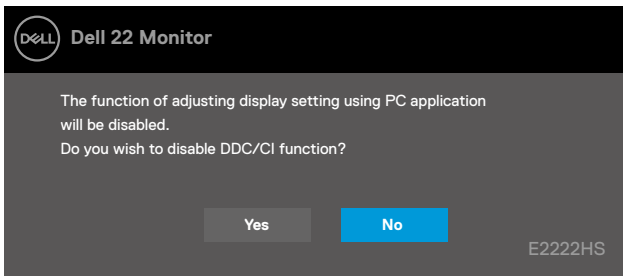


Trước khi bật chức năng Khóa, thông báo sau đây sẽ được hiển thị:



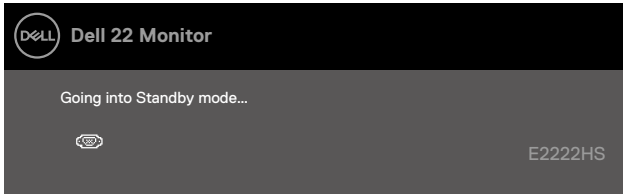
### LƯU Ý: Thông báo có thể khác đôi chút tùy theo cài đặt được chọn.

Trước khi tắt chức năng DDC/CI, thông báo sau đây sẽ hiển thị trên màn hình.

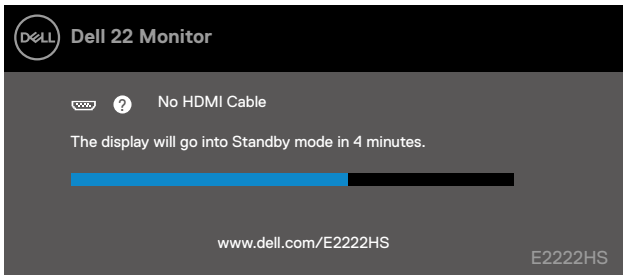
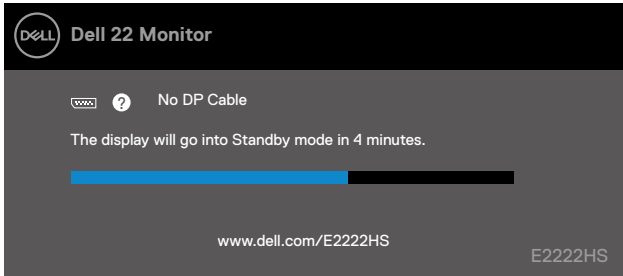
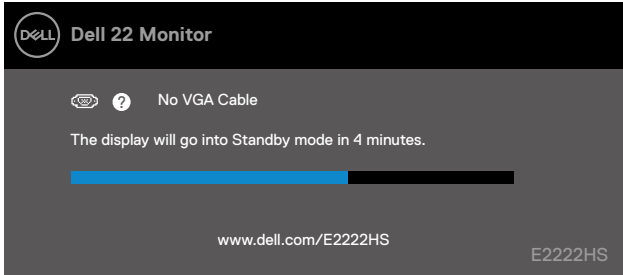




Khi màn hình chuyển sang chế độ Chờ, thông báo sau đây sẽ hiện ra.



Nếu chưa cắm cáp VGA hoặc DP hoặc HDMI, hộp thoại di động sẽ hiển thị. Màn hình sẽ vào chế độ Chờ sau 4 phút nếu vẫn còn giữ ở trạng thái này.



Xem **Khắc phục sự cố** để biết thêm thông tin.

# Cài đặt độ phân giải hiển thị cho màn hình của bạn

## Cài đặt độ phân giải 1920 x 1080

Để đạt hiệu suất tối ưu, nên cài độ phân giải hiển thị thành 1920 x 1080 pixels bằng cách thực hiện các bước sau:

### Trên Windows 7:

1. Nhấp phải vào màn hình nền và chọn **Độ phân giải màn hình**.
2. Nhấp vào danh sách **Độ Phân Giải Màn Hình** sổ xuống và chọn 1920 x 1080.
3. Nhấp **OK**.

### Trên Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chọn biểu tượng Desktop để chuyển sang desktop cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Độ phân giải màn hình**.
3. Nhấp vào danh sách **Độ Phân Giải Màn Hình** sổ xuống và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp **OK**.


### Trên Windows 10:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Cài Đặt Hiển Thị**.
2. Nhấp **Cài Đặt Hiển Thị Nâng Cao**.
3. Nhấp vào danh sách **Độ Phân Giải** sổ xuống và chọn 1920 x 1080.
4. Nhấp **Áp dụng**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải đề nghị dưới dạng một tùy chọn thì bạn cần cập nhật driver card đồ họa. Sử dụng một trong các phương pháp sau đây để cập nhật driver đồ họa:

## Máy tính Dell

1. Truy cập <https://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 1920 x 1080, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.

## Máy tính khác

### Trên Windows 7:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Tùy biến**.
2. Nhấp **Đổi cài đặt màn hình**.
3. Nhấp **Cài đặt nâng cao**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ. Ví dụ, NVIDIA, AMD, Intel, v.v...
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để biết driver cập nhật. Ví dụ, <https://www.AMD.com> hoặc <https://www.NVIDIA.com>.
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.

### Trên Windows 8 hoặc Windows 8.1:

1. Chọn biểu tượng Desktop để chuyển sang desktop cổ điển.
2. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Tùy biến**.
3. Nhấp **Đổi cài đặt màn hình**.
4. Nhấp **Cài đặt nâng cao**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ. Ví dụ, NVIDIA, AMD, Intel, v.v...
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để biết driver cập nhật. Ví dụ, <https://www.AMD.com> hoặc <https://www.NVIDIA.com>.
7. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.

### Trên Windows 10:

1. Nhấp chuột phải lên màn hình nền và nhấp **Cài Đặt Hiển Thị**.
2. Nhấp **Cài đặt hiển thị nâng cao**.
3. Nhấp **Thuộc tính bộ điều hợp hiển thị**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ. Ví dụ, NVIDIA, AMD, Intel, v.v...
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để biết driver cập nhật. Ví dụ, <https://www.AMD.com> hoặc <https://www.NVIDIA.com>.
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 1920 x 1080.

 **LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải theo ý mình, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua loại card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.**

## Xoay nghiêng

Bạn có thể nghiêng màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.

**LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



# Khắc phục sự cố

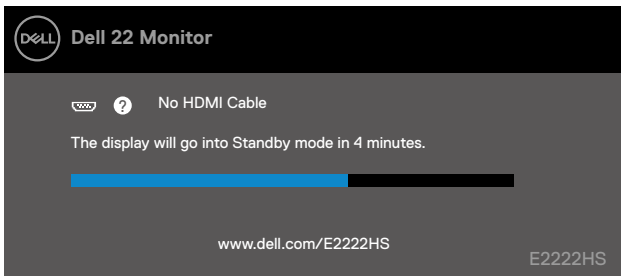
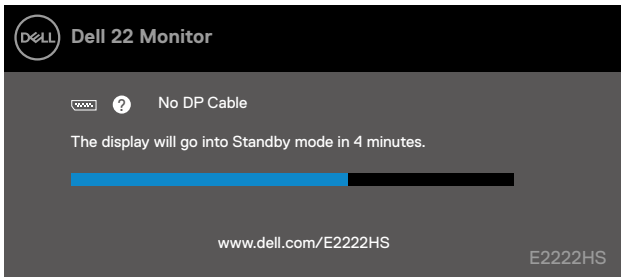
**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi bạn bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy thực hiện theo **Hướng dẫn an toàn**.

## Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng chức năng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút các cáp video ra khỏi máy tính. Như thế máy tính sẽ không còn kết nối nữa.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình vẫn hoạt động bình thường, tức là không có tín hiệu và sẽ xuất hiện một trong các thông báo sau đây. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.



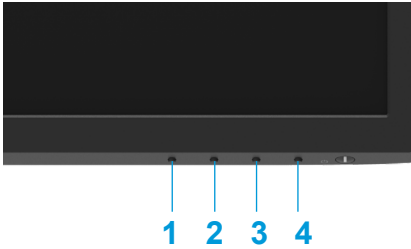
**✍ LƯU Ý:** Thông báo này cũng hiển thị trong khi sử dụng bình thường khi cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình vẫn tối sau khi nối lại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.



## Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.



Nhãn	M tả
1	Nút 1
2	Nút 2
3	Nút 3
4	Nút 4

### Để chạy chức năng chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Ấn và giữ **Button 4** (Nút 4) trong vòng bốn giây và menu sẽ xuất hiện trên màn hình.
3. Dùng **Button 1** (Nút 1) hoặc **2** để chọn  và nhấn  để xác nhận.

Mô hình kiểm tra màu xám hiện ra ngay từ đầu chương trình chẩn đoán.

4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn **Button 1** (Nút 1) để thay đổi mô hình kiểm tra.
6. Lặp lại bước 4 và 5 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình văn bản, đỏ, lục, lam, đen và trắng.
7. Khi ở màn hình kiểm tra màu Trắng, kiểm tra xem màu trắng có đồng nhất không và có màu trắng nào bị ám xanh/ám đỏ... không.
8. Nhấn **Button 1** (Nút 1) để kết thúc chương trình chẩn đoán.

## Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Không có video/Đèn LED nguồn tắt	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li><li>• Kiểm tra xem ổ cắm điện c đang hoạt động đng cch với bất kỳ thiết bị điện no khc hay khng.</li><li>• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hoàn toàn.</li><li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu <b>Nguồn Vào</b>.</li></ul>
Không có video/Đèn LED nguồn bật	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tăng mức chỉnh độ sáng và độ tương phản bằng OSD.</li><li>• Thực hiện kiểm tra bằng tnh năng tự kiểm tra.</li><li>• Kiểm tra xem chấu cắm c bị cong hoặc gy trong đầu cắm cp video hay khng.</li><li>• Chạy cng cụ chẩn đon tch hợp.</li><li>• Đảm bảo đã chọn nguồn đầu vào thích hợp qua menu <b>Nguồn Vào</b>.</li></ul>
Bắt nét kém	<ul style="list-style-type: none"><li>• Rút cáp mở rộng video.</li><li>• Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li><li>• Đổi độ phn giải video sang tỷ lệ khung hnh thch hợp.</li></ul>
Video rung/chập chờn	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li><li>• Kiểm tra các yếu tố môi trường.</li><li>• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác.</li></ul>
Thiếu điểm ảnh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chu kỳ bật/tắt nguồn.</li><li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vui lòng xem trang Hỗ trợ của Dell <a href="http://www.dell.com/pixelguidelines">www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li></ul>
Điểm ảnh bị dính	<ul style="list-style-type: none"><li>• Chu kỳ bật/tắt nguồn.</li><li>• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.</li><li>• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Màn Hình Dell, vui lòng xem trang Hỗ trợ của Dell <a href="http://www.dell.com/pixelguidelines">www.dell.com/pixelguidelines</a>.</li></ul>
Sự cố độ sáng	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li><li>• Điều chỉnh độ sáng và độ tương phản bằng OSD.</li></ul>
Méo hình	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li><li>• Điều chỉnh ngang và dọc bằng OSD.</li></ul>
Các đường ngang/dọc	<ul style="list-style-type: none"><li>• Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li><li>• Kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li><li>• Kiểm tra xem chấu cắm c bị cong hoặc gy trong đầu cắm cp video hay khng.</li><li>• Chạy cng cụ chẩn đon tch hợp.</li></ul>

Triệu chứng thường gặp	Giải pháp khả thi
Sự cố đồng bộ hóa problems	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li> <li>Kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chống lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không.</li> <li>Kiểm tra xem chấu cắm c bị cong hoặc gy trong đầu cắm cp video hay khng.</li> <li>Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn.</li> </ul>
Các vấn đề liên quan đến an toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào.</li> <li>Liên hệ ngay với Dell.</li> </ul>
Sự cố gián đoạn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thử dùng <b>Chế Độ Có Sẵn</b> khác trong OSD cài đặt <b>Màu sắc</b>. Điều chỉnh giá trị <b>R/G/B</b> trong mục <b>Tùy Biến Màu</b> của cài đặt <b>Màu sắc</b>.</li> <li>Đổi <b>Định dạng màu đầu vào</b> sang <b>RGB</b> hoặc <b>YPbPr</b> trong menu OSD <b>Màu sắc</b>.</li> <li>Chạy cng cụ chẩn đon tch hợp.</li> </ul>
Thiếu màu sắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện kiểm tra bằng tnh năng tự kiểm tra.</li> <li>Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.</li> <li>Kiểm tra xem chấu cắm c bị cong hoặc gy trong đầu cắm cp video hay khng.</li> </ul>
Sai màu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thử dùng <b>Chế Độ Có Sẵn</b> khác trong OSD cài đặt <b>Màu sắc</b>. Điều chỉnh giá trị <b>R/G/B</b> trong mục <b>Tùy Biến Màu</b> của cài đặt <b>Màu sắc</b>.</li> <li>Đổi <b>Định dạng màu đầu vào</b> sang <b>RGB</b> hoặc <b>YPbPr</b> trong menu OSD <b>Màu sắc</b>.</li> <li>Chạy cng cụ chẩn đon tch hợp.</li> </ul>
Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt tắt màn hình sau vài phút nhàn rỗi. Các tác vụ này có thể được điều chỉnh trong mục Tùy Chọn Năng Lượng trên Window hoặc Cài Đặt Tiết Kiệm Năng Lượng trên Mac.</li> <li>Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động.</li> </ul>
Video bị bóng mờ hoặc bị phóng đại	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đổi <b>Thời gian phản hồi</b> qua OSD <b>Hiển thị</b> thành <b>Nhanh</b> hoặc <b>Bình Thường</b> tùy theo ứng dụng và mục đích sử dụng của bạn.</li> </ul>



## Sự cố liên quan đến sản phẩm

Triệu chứng cụ thể	Giải pháp khả thi
Ảnh màn hình quá nhỏ	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra cài đặt <b>Tỷ lệ khung hình</b> trong OSD cài đặt <b>Hiển thị</b>.</li><li>Cài đặt màn hình về Cài Đặt Gốc (<b>Cài Đặt Gốc</b>).</li></ul>
Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt dưới	<ul style="list-style-type: none"><li>Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.</li><li>Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút Thoát (nút 4) trong bốn giây để mở khóa.</li></ul>
Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc ngủ đông bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.</li><li>Kiểm tra xem cáp video có được cắm đúng cách hay không. Rút và cắm lại cáp video nếu cần thiết.</li><li>Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video.</li></ul>
Ảnh không hiển thị toàn màn hình	<ul style="list-style-type: none"><li>Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.</li><li>Chạy cng cụ chẩn đon tch hợp.</li></ul>

# Phụ lục

---

## Hướng dẫn an toàn

**⚠ CẢNH BÁO:** Nếu điều khiển, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác không giống như nêu trong hướng dẫn này có thể sẽ khiến cho sản phẩm bị sốc, chập điện và/hoặc hỏng cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Hướng Dẫn Thông Tin Sản Phẩm.

## Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác

Để biết các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại [www.dell.com/regulatory\\_compliance](http://www.dell.com/regulatory_compliance).

**Lắp màn hình gắn ổ điện để dễ xử lý. Ngắt kết nối màn hình, rút cáp nguồn, cắm lại cáp rồi bật lại màn hình. Không được ngắt nối màn hình bằng cách rút dây.**

## Liên hệ với Dell

Nếu là khách hàng tại Mỹ, vui lòng gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

**📌 LƯU Ý:** Nếu không có kết nối internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn hoặc catalog sản phẩm Dell.

**Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Sự khả dụng sẽ khác nhau tùy theo từng quốc gia và sản phẩm, cũng như một số dịch vụ có thể sẽ không khả dụng tại khu vực của bạn.**

Để biết nội dung hỗ trợ Màn Hình trực tuyến, vui lòng truy cập <https://www.dell.com/support/monitors>.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập <https://www.dell.com/support>.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu Chọn quốc gia/khu vực số xuống ở cuối trang.
3. Nhấp Liên Hệ ở bên trái của trang.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

## Cơ sở dữ liệu của sản phẩm EU để ghi trên nhãn năng lượng và bảng thông tin sản phẩm

E2222HS: <https://eprel.ec.europa.eu/screen/qr/605451>